

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: **06/2025/HNGĐ-ST**

Ngày **13-02-2025**

Về việc “*Tranh chấp ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phạm Thị Thu Trang**

2. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân* huyện T, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 290/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23/01/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị T** - sinh năm 2003 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở: ấp Thạnh Đông, xã T B, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Lưu Minh Đ** - sinh năm 1998

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

(vắng mặt lần 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Lê Thị T** trình bày:

Chị **Lê Thị T** và anh **Lưu Minh Đ** tự tìm hiểu nhau khoảng 02 năm sau đó chung sống với nhau vào năm 2022, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang ngày 08/02/2023.

Lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 3 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị T cho

rằng do anh Đ thường hay đi chơi với bạn bè qua đêm không về nhà, khi nhiều người đến nhà kiểm anh Đ đòi nợ thì chị T mới biết anh Đ mượn tiền để ăn nhậu, gái gú và chơi cờ bạc số đề, về đến nhà kiểm chuyện chửi bới chị T, ghen tuông vô cớ, không tôn trọng chị T, bắt chị T phải trả nợ, chị T cũng đã trả nợ cho anh Đ vài lần nhưng anh Đ vẫn không thay đổi, thích làm theo ý mình, anh Đ không có trách nhiệm với gia đình, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chung sống với nhau không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2024 đến nay.

Tại phiên tòa chị T yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Đ.
- Về con chung: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

* Tòa án có triệu tập anh Lưu Minh Đ để hòa giải hôn nhân và gia đình, nhưng anh Lưu Minh Đ vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- * Việc tuân theo pháp luật tố tụng:
 - Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.
 - Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
 - Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ.
- * Ý kiến về việc giải quyết vụ án:
 - Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T được ly hôn với anh Lưu Minh Đ.
 - Về quan hệ con chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.
 - Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- [1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết

định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh Đ vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt anh Lưu Minh Đ.

Xét thấy, anh Đ chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị T tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ các thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh Đ vẫn không đến Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ chung sống với nhau được UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 25, ngày 08/02/2023, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, vợ chồng anh chị chung sống với nhau đến tháng 3/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị T cho rằng do anh Đ thường hay đi chơi với bạn bè qua đêm không về nhà, khi nhiều người đến nhà kiểm anh Đ đòi nợ thì chị T mới biết anh Đ mượn tiền để ăn nhậu, gái gú và chơi cờ bạc số đề, về đến nhà kiểm chuyện chửi bới chị T, ghen tuông vô cớ, không tôn trọng chị T, bắt chị T phải trả nợ, chị T cũng đã trả nợ cho anh Đ vài lần nhưng anh Đ vẫn không thay đổi, anh Đ không có trách nhiệm với gia đình, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt.

Tại phiên tòa, chị T thể hiện rõ quan điểm muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ. Mặt khác, chị T và anh Đ hai bên đã ly thân với nhau từ tháng 5/2024 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T được ly hôn với anh Đ.

[3] Về quan hệ con chung: Không có.

[4] Về tài sản, nữ trang chung và nợ chung: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét. Trường hợp anh Đ cho rằng có tài sản chung và có tranh chấp, sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác và sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228;

Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T được ly hôn với anh Lưu Minh Đ.

2. Về quan hệ con chung: Không có.

3. Về quan hệ tài sản, nữ trang chung và nợ chung: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007092 ngày 21/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Lưu Minh Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã T ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chiến